

CHĂM LO, CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN MỘT TRONG NHỮNG NHIỆM VỤ CẦN KÍP ĐẦU TIÊN CỦA CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG (1945-1946)

TS PHẠM ĐỨC KIÊN

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Cách đây 72 năm, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, được khai sinh. Trong những ngày tháng đầu tiên sau khi thành lập, Nhà nước Việt Nam non trẻ đã phải đương đầu với vô vàn khó khăn, thách thức. Cùng với những đối sách nhằm ứng phó với thù trong, giặc ngoài, xây dựng chính quyền cách mạng, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng chăm lo, cải thiện đời sống nhân dân.

1. Tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Thủ đô Hà Nội, trước hàng chục vạn đồng bào, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, tuyên bố trước nhân dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời. *Tuyên ngôn Độc lập* khẳng định: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”¹. Chính phủ lâm thời đã ra mắt quốc dân trong ngày lễ độc lập. Chính quyền cách mạng đã trở thành đại diện chân chính của nhân dân. Nhân dân Việt Nam trở thành người làm chủ đất nước sau hơn 80 năm đô hộ của thực dân Pháp, sau 5 năm bị phát xít Nhật chiếm đóng và sau hàng nghìn năm dưới chế độ phong kiến.

Với truyền thống bất khuất chống ngoại xâm quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc, tự

do mới giành được, trên cương vị người làm chủ đất nước, nhân dân Việt Nam quyết tâm “thà hy sinh tất cả, nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Đó là nguồn gốc sức mạnh vô địch của chính quyền dân chủ nhân dân. Chính quyền cách mạng đã được thành lập trong cả nước. Nước Việt Nam độc lập, đứng trên tư thế hợp pháp và chính nghĩa để đón quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật.

Tuy vậy, sự nghiệp giữ vững quyền độc lập, tự do và xây dựng chế độ mới của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh trong nước có những thay đổi lớn: Vừa mới ra đời, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã bị đế quốc và các thế lực phản động liên kết với nhau bao vây, chống phá quyết liệt. Với danh nghĩa giải giáp quân đội Nhật, các đội quân Đồng minh đã dồn dập kéo vào Việt Nam.

Ở miền Bắc, theo thoả thuận tại Hội nghị Potsdam (ngày 17-7 đến ngày 2-8-1945), từ cuối tháng 8 đầu tháng 9-1945, 20 vạn quân của Tưởng Giới Thạch gồm 4 quân đoàn do Lư Hán

làm tổng chỉ huy, lũ lượt kéo vào đóng ở Hà Nội và hầu hết các thành phố, thị xã từ biên giới Việt-Trung đến vĩ tuyến 16. Khi đưa quân vào Việt Nam, quân đội Tưởng đã kéo theo số người Việt phản động sống lưu vong ở Trung Quốc gồm lực lượng Việt Nam Quốc dân đảng (Việt Quốc) do Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam cầm đầu và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội (Việt Cách) do Nguyễn Hải Thần nắm giữ, về nước chống phá cách mạng.

Dựa vào quân đội Tưởng, Việt Quốc, Việt Cách đã chiếm giữ một số nơi ở Yên Bái, Vĩnh Yên, Móng Cái. Chúng quấy nhiễu, cướp phá, giết người, rải truyền đơn, ra báo *Việt Nam, Thiết Thực, Đồng Tâm* nhằm vu cáo, nói xấu Việt Minh, chống chính quyền cách mạng và đòi đưa các bộ trưởng là đảng viên cộng sản ra khỏi Chính phủ.

Ở miền Nam, tình hình còn nghiêm trọng hơn. Từ vĩ tuyến 16 trở vào, lấy danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, hơn 1 vạn quân Anh do Graxây, Trưởng phái bộ Anh, đưa quân vào miền Nam lại đòi giải giáp quân đội Việt Nam. Graxây ra lệnh cho quân Nhật tước vũ khí của người Việt Nam, chiếm đóng trụ sở Ủy ban hành chính Nam Bộ. Quân đội Anh còn đồng lõa và giúp cho thực dân Pháp quay lại xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Hàng ngàn lính Pháp (bị Nhật bắt giam trong ngày đảo chính) được Anh thả ra và trang bị vũ khí, chúng tỏa ra đường phố khiêu khích, gây rối. Ngày 21-9-1945, Anh tuyên bố thiết quân luật toàn thành phố, tạo điều kiện cho quân Pháp chuẩn bị gây hấn. Ngày 23-9-1945, được sự giúp đỡ của quân Anh, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam lần thứ hai.

Ngoài lực lượng của quân Tưởng, Anh, Pháp, còn có khoảng 6 vạn quân Nhật trên đất Việt Nam. Trong lúc chờ giải giáp, một bộ phận của quân đội Nhật đã được quân Anh sử dụng, đánh

vào lực lượng vũ trang của ta, dọn đường cho quân Pháp đánh chiếm Sài Gòn và nhiều vùng ở Nam Bộ.

Dựa vào thế lực của quân đội nước ngoài, các lực lượng phản cách mạng trong cả nước đã lần lượt ngóc đầu dậy chống phá chính quyền cách mạng rất quyết liệt. Chưa bao giờ đất nước ta, trong cùng một lúc có nhiều kẻ thù đến như vậy!

Trong khi đó, lực lượng mọi mặt của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chưa kịp củng cố và phát triển.

Về pháp lý, Việt Nam là một trong những quốc gia đứng về phe Đồng minh chống phát xít, đã chớp thời cơ, giành được chính quyền cách mạng từ tay phát xít Nhật trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời chưa được một chính phủ nào trên thế giới công nhận.

Khối đại đoàn kết toàn dân trong mặt trận dân tộc thống nhất và cơ cấu tổ chức bộ máy chính quyền cách mạng đang còn phải tiếp tục củng cố và mở rộng. Lực lượng vũ trang cách mạng còn non trẻ, trang bị kém, thiếu thốn đủ mọi bề, kinh nghiệm chiến đấu còn quá ít.

Nền kinh tế của đất nước vốn nghèo nàn, lạc hậu, lại bị kiệt quệ nặng nề do chính sách vơ vét, bóc lột của Pháp-Nhật trong mấy mươi năm thống trị bóc lột của chúng. Công nghiệp lạc hậu và đình đốn, nông nghiệp tiêu điều vì hơn 50% ruộng đất ở Bắc Bộ bị bỏ hoang do lụt và hạn hán gây nên. Thương nghiệp ngừng trệ, bế tắc, hàng hoá khan hiếm. Tài chính cạn kiệt: kho bạc hầu như trống rỗng, Ngân hàng Đông Dương còn nằm trong tay của tư bản Pháp. Lợi dụng quyền nắm việc phát hành giấy bạc, chúng luôn gây rối về tiền tệ. Quân đội Tưởng còn tung đồng “quan kim” và “quốc tệ” của chúng ra thị trường, làm lũng đoạn nặng nề hơn nền tài chính của nước ta.

Nạn đói khủng khiếp đầu năm 1945, hậu quả của chính sách vơ vét bóc lột của bọn đế quốc Pháp, phát xít Nhật, đã cướp đi sinh mạng của 2 triệu đồng bào ta, lại thêm nạn lụt lớn ở Bắc Bộ khiến 9 tỉnh bị vỡ đê, mất mùa liên tiếp xảy ra đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của hàng triệu người dân từ thành thị đến nông thôn. Nguy cơ một nạn đói mới đang đe dọa nhân dân.

Các “di sản” văn hoá lạc hậu của chế độ thực dân để lại khá nặng nề: trình độ văn hoá nhân dân thấp kém, hơn 90% dân số không biết chữ, các tệ nạn xã hội cũ như nạn nghiện rượu, hút thuốc phiện, mê tín dị đoan, v.v. rất trầm trọng và phổ biến.

Giặc ngoài, thù trong, khó khăn chồng chất đã đặt chính quyền cách mạng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Vận mệnh độc lập, tự do của dân tộc vừa mới giành được đang đứng trước nguy cơ mất còn. Đây là một thách thức lớn đặt ra đối với Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh trước trọng trách với dân tộc và nhân dân Việt Nam.

2. Những chủ trương, biện pháp của Đảng, Nhà nước và Chủ tịch Hồ Chí Minh

Ngay sau một ngày giành được độc lập, ngày 3-9-1945, dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội đồng Chính phủ họp phiên đầu tiên quyết định những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nhằm ổn định tình hình, bước đầu xây dựng và tăng cường thực lực cho cuộc đấu tranh trong thời kỳ mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra sáu nhiệm vụ cấp bách: phát động chiến dịch tăng gia sản xuất để chống đói; mở chiến dịch chống nạn mù chữ; sớm tổ chức tổng tuyển cử; mở chiến dịch giáo dục cần, kiệm, liêm, chính; bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò và tuyên bố tự do tín ngưỡng, lương giáo đoàn kết².

Những nhiệm vụ cấp bách đó mặc dù thuộc các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội khác nhau, song xét đến cùng, đều đáp ứng đúng những nhu cầu bức thiết trong đời sống vật chất, tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân, và vì thế chúng đều hàm chứa một ý nghĩa xã hội hết sức sâu sắc.

Ngày 5-9-1945, Chính phủ ra Sắc lệnh số 7/SL tuyên bố thủ tiêu tất cả những quy định hạn chế việc lưu thông, chuyên chở thóc gạo giữa các vùng trong cả nước; nghiêm trị những kẻ đầu cơ tích trữ thóc gạo. Chính phủ còn ra lệnh cấm mọi người lãng phí thóc gạo hoặc dùng thóc gạo vào những công việc không cần thiết như nấu rượu, làm bánh... Để làm tốt công tác này, Chính phủ đã cử một ủy ban vào Nam Bộ điều tra và tổ chức việc vận chuyển thóc gạo ra miền Bắc.

Bên cạnh chủ trương chung, thực hiện đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phiên họp ngày 3-9-1945, Chính phủ đã quyết định phải chống “giặc đói”, phát động ngay một phong trào “sẻ cơm, nhường áo”. Trong bài “Sẻ cơm nhường áo” đăng trên báo *Cứu quốc*, số 53, ngày 28-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: “Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng. Vậy tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước: Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ba bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo. Như vậy, thì những người nghèo sẽ có bữa rau bữa cháo để chờ mùa lúa năm sau, khỏi đến nỗi chết đói”³. Ngày 11-10-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp bát gạo đầu tiên rồi dự lễ xuất phát của “Đoàn quân tiêu trừ giặc đói” tại Nhà hát lớn Hà Nội. Phong trào trên đã được đông đảo quần chúng nhân dân ủng hộ và tham gia tích cực với nhiều hình thức phong phú. Ở Hà Nội, Nam Định và các địa phương khác xuất hiện các xe bò “Bác ái” đi lạc quyền khắp phố,

phương. Nhân dân thành phố, tỉnh, huyện... nhận kết nghĩa đỡ đần nhau. Nhân dân Hưng Yên giúp đỡ nhân dân Thái Bình. Đồng bào Đà Nẵng cấp tốc đưa các chuyến tàu gạo ra Hà Nội. Các địa phương bỏ hẳn tệ nạn, rượu chè, cờ bạc... Bên cạnh đó, công tác vận động các nhà tư sản, địa chủ bỏ tiền của, thóc gạo ra sức cứu đói cũng thu được kết quả tốt.

Phong trào dần dần trở nên rộng lớn, sôi động khắp toàn quốc, chẳng những lôi cuốn nhà nhà tham gia, người người tham gia mà còn lôi cuốn được nhiều tổ chức quần chúng, văn hoá và xã hội khác. Nhiều tổ chức quần chúng, các đảng phái, tôn giáo, bà con ngoại kiều... cũng quyên góp tiền, gạo để giúp đỡ người nghèo. Những đêm biểu diễn văn hoá nghệ thuật ra đời nhằm lạc quyên tiền gạo của các nhà hảo tâm, để cứu đói được tổ chức ở nhiều nơi.

Ngày 2-11-1945, được sự đồng ý của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Xã hội kiêm Y tế, Cứu tế và Lao động đã ra quyết định thành lập Hội cứu đói, đặt các trụ sở ở Hà Nội, Thuận Hoá và Sài Gòn. Hội có các chi nhánh ở các tỉnh, huyện, xã và tận các làng bản. Nhiệm vụ của Hội là thực hiện các biện pháp nhằm giảm sự lãng phí lương thực, đồng thời tìm kiếm nguồn lương thực, thực phẩm để cứu giúp những người nghèo.

Trong bài “Hô hào nhân dân chống nạn đói” đăng trên báo *Cứu quốc*, số 86, ngày 8-11-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Công việc chống nạn đói, cũng như công việc to lớn khác, phải kiên quyết, phải phấn đấu, phải sẵn lòng hy sinh, phải toàn dân nhất trí”⁴.

Ngày 28-11-1945, Chủ tịch Chính phủ lại ký Sắc lệnh số 67/SL cho thiết lập “Ủy ban tối cao tiếp tế và cứu tế” của Chính phủ. Tham gia Ủy ban này có Bộ trưởng các bộ: Bộ Kinh tế, Bộ Xã hội kiêm Y tế, Cứu tế và Lao động và Bộ Canh nông. Ủy ban này được phép toàn quyền

hành động để thực hiện công cuộc cứu tế và tiếp tế trên toàn quốc.

Những biện pháp kể trên đã mang lại hiệu quả thiết thực trong việc vận chuyển thóc gạo và giảm bớt sự lãng phí thóc gạo trong nhân dân. Chỉ trong vòng 3 tháng cuối năm 1945, đã vận chuyển được hơn 700 tấn gạo từ các tỉnh Nam Bộ, Trung Bộ ra cứu đói cho nhân dân Bắc Bộ. Nhiều làng ở Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương đã tự nguyện bỏ hũ tục, tiệc tùng lãng phí để tiết kiệm lương thực. Các làng Cóm ở vùng Hoài Đức (Hà Đông), Dịch Vọng (Từ Liêm, Hà Nội) cũng ngừng hoạt động để đỡ lãng phí thóc gạo nhằm giúp đỡ dân nghèo.

Ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc”. Chỉ thị phân tích những thay đổi căn bản về tình hình quốc tế, khu vực và trong nước sau Chiến tranh thế giới II, nêu lên những thuận lợi cơ bản và những thử thách lớn của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mà nhân dân ta đang tiến hành. Chỉ thị phân tích âm mưu của các thế lực đế quốc phản động đối với nhau và đối với cách mạng Việt Nam. Về cuộc kháng chiến ở Nam Bộ, Chỉ thị chủ trương tiến hành chiến tranh nhân dân rộng khắp, huy động sức mạnh tại chỗ và sức mạnh của cả nước, vừa kháng chiến vừa kiến quốc. Đồng thời, bản Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” chủ trương: “Độc lập về chính trị, thực hiện chế độ dân chủ cộng hoà; cải thiện đời sống cho nhân dân”⁵.

Ngoài ra, ngay sau Cách mạng tháng Tám, Chính phủ lâm thời cũng lần lượt ban hành những sắc lệnh và những quy định cần thiết để từng bước cải thiện đời sống của nhân dân lao động, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội: Sắc lệnh ngày 7-9-1945 bãi bỏ thuế thân; thực hiện chế độ mỗi ngày làm việc 8 giờ; quy định quyền lợi công nhân và mối quan hệ giữa chủ

và thợ; Ngày 26-10-1945, Chính phủ ban hành Nghị định giảm thuế 20% cho nông dân và miễn thuế hoàn toàn cho những vùng bị lụt. Ngày 16-11-1945, Chính phủ ra thông tư về việc tạm chia ruộng đất công cho dân cày nghèo. Đồng thời, nhiều sáng kiến như lập "Hũ gạo tiết kiệm", tổ chức "Ngày đồng tâm nhện ăn", không dùng lương thực để làm quà, bánh...

Bên cạnh những giải pháp tình thế, trước mắt, biện pháp quan trọng nhất được Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu và coi là biện pháp giải quyết nạn đói tận gốc là phát động phong trào tăng gia sản xuất.

Ngay từ phiên họp đầu tiên của Chính phủ (3-9-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị phát động một phong trào tăng gia sản xuất trong cả nước.

Hướng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một phong trào khai hoang "tác đất, tác vàng", "không một tác đất bỏ hoang" đã phát triển sâu rộng trong toàn quốc. Ngày 17-10-1945, Bộ Kinh tế ban hành Thông tư cho UBND các cấp về phương pháp khẩn cấp chấn hưng nông nghiệp. Ngày 17-11-1945, Bộ Kinh tế ban hành thông tư quy định: các UBND phải kê khai rõ số ruộng đất còn thừa trong vòng 15 ngày. Nếu chủ điền nào không khai hoặc khai man sẽ bị phạt. Tiền phạt thu được đem bỏ vào công quỹ của làng để mua sắm dụng cụ, cây và con giống, giúp đỡ cho các hộ nghèo. Các UBND sẽ công bố những phần ruộng đất để nông dân mượn. Những nông dân muốn mượn đất có quyền giao dịch thẳng với chủ điền; khi gieo trồng, họ được hưởng hoa lợi hoàn toàn. Các UBND cũng điều tra số ruộng đất bị hoang

hoá để cho nông dân mượn canh tác mà không phải nộp các thứ thuế.

Ngày 19-11-1945, Chính phủ cho lập Ủy ban Trung ương phụ trách sản xuất. Ở các tỉnh, huyện, xã và làng đều thành lập Tiểu ban canh nông. Tờ báo *Tác đất* ra đời, phát cho các Tiểu ban này để phổ biến những chỉ thị của Chính phủ, tổ chức, hướng dẫn bà con kiến thức về nông nghiệp để tăng gia sản xuất. Lệnh cấm xuất khẩu gạo và các loại hoa màu khác được ban hành và có sự kiểm tra nghiêm ngặt. Chính phủ còn hô hào các nhà

tư sản, những nhà giàu cho dân nghèo vay vốn để phát triển sản xuất.

Trong "Thư gửi nông gia Việt Nam", đăng trên số đầu tiên báo *Tác đất*, ngày 7-12-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: "Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! tăng gia sản xuất nữa! Đó là khẩu hiệu của ta ngày nay. Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do, độc lập"⁶.

Sau Cách mạng Tháng Tám thành công, đứng trước muôn vàn thử thách với thù trong giặc ngoài, kinh tế suy sụp, ngân sách trống rỗng... Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tập trung lãnh đạo đất nước vượt qua những khó khăn, thách thức "ngàn cân treo sợi tóc", đồng thời chăm lo cải thiện mọi mặt đời sống của nhân dân.

Việc củng cố hệ thống đê để tránh sạt, lở, vỡ đê cũng được Chính phủ chú trọng. Đến khoảng cuối tháng 10-1945, được sự tham gia tích cực của toàn dân, tất cả các đoạn đê vỡ, xung yếu đều được khắc phục. Từ cuối tháng 11-1945, nhân dân các địa phương tập trung vào việc bồi đắp đê cũ và đắp thêm đê mới. Trước khi bước vào mùa lũ, lụt năm 1946, Chính phủ đã ra Sắc lệnh thành lập "Ủy ban Trung ương hộ đê ở Bắc Bộ". Chính vì thế, công tác bảo vệ đê, phòng chống bão, lụt đã bước đầu ổn định.

Để phát triển sản xuất hơn nữa, Chính phủ còn lệnh cho các "Nông phố ngân hàng" và "Bình dân ngân quỹ" phải tạo điều kiện cho nông

dân vay tiền mua cây, con giống. Chính phủ đã cấp 110 tấn thóc giống cho những vùng bị thiên tai nặng nhất. Việc chế tạo các công cụ sản xuất cũng được mở rộng và phát triển. Bên cạnh đó, nhằm bảo vệ và phát triển chăn nuôi, Chính phủ đã thành lập các đoàn bác sĩ thú y về tận các làng, xã để triển khai công tác phòng chống bệnh dịch cho gia súc, gia cầm. Công tác động viên nhân dân đi khai hoang sản xuất cũng được coi trọng. Nhiều trang trại mới đã được lập ở các tỉnh Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang...

Bằng sự cố gắng nỗ lực của Đảng, Chính phủ và sự tích cực tăng gia sản xuất của toàn dân, việc giải quyết nạn đói đã thu được những kết quả to lớn. Vụ chiêm năm 1946, sản lượng lương thực thu được ở Bắc Bộ cao hơn vụ chiêm năm 1945 là 100.000 tấn. Vụ mùa năm 1946, nhiều tỉnh cũng đạt thu hoạch khá cao. Nếu vụ mùa năm 1943 ở Bắc Bộ chỉ đạt 952.730 tấn, năm 1944 là 832.000 tấn, thì năm 1946 đạt 1.550.000 tấn⁷. Thu hoạch từ các loại hoa màu khác như: ngô, khoai, sắn, đỗ, lạc... cũng cao hơn nhiều so với các năm trước. Tăng gia sản xuất phát triển, sản lượng thu hoạch cao, đời sống nhân dân bước đầu đã được cải thiện. Điều này chẳng những có ý nghĩa to lớn về mặt kinh tế, mà còn góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.

Để giải quyết khó khăn về kinh tế, tài chính, Chính phủ động viên nhân dân xây dựng “Quỹ độc lập” và “Quỹ đảm phụ quốc phòng”. Tuần lễ vàng được tổ chức từ ngày 17 đến ngày 24-9-1945. Kết quả quyên góp của nhân dân (370 kg vàng và 60 triệu đồng) không chỉ góp phần đáp ứng kịp thời chi tiêu cấp bách cho dân sinh và quốc phòng mà còn thể hiện lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết nhất trí của toàn dân, sẵn sàng góp công sức và của cải vào công cuộc bảo vệ độc lập dân tộc, củng cố chính quyền, xây dựng chế độ mới.

Cùng với chủ trương diệt giặc đói, từng bước giải quyết khó khăn về kinh tế tài chính, Đảng khẩn trương đưa ra chủ trương mở chiến dịch chống nạn mù chữ.

Thực hiện chính sách giáo dục ngu dân, là một trong những mưu đồ thâm độc mà bọn thực dân Pháp dùng để cai trị nước ta, vì thế đã để lại hậu quả nặng nề: hơn 90% đồng bào mù chữ. Trước tình hình đó, ngày 8-9-1945, Chính phủ ban hành Sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ để chăm lo việc học chữ của nhân dân. Ngày 4-10-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi “Chống nạn thất học”. Người nhấn mạnh: “Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân mạnh, nước giàu, mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ.

Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ hãy góp sức vào bình dân học vụ... Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết đi. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo, người ăn người làm không biết thì chủ nhà bảo”⁸.

Ngày 10-10-1945, Hồ Chí Minh ban hành Sắc lệnh số 14/SL lập Hội đồng cố vấn học chính để giúp Chính phủ chỉ đạo sắp xếp lại bộ máy học chính các cấp và các trường theo đúng tinh thần mới. Trong Chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc”, Trung ương Đảng cũng đã nêu rõ nhiệm vụ của giáo dục là: “mở đại học và trung học, cải cách việc học theo tinh thần mới, bài trừ cách học nhồi sọ”. Ngày 9-7-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành Sắc lệnh số 119/SL thành lập Bộ Quốc gia Giáo dục. Tiếp đó, ngày 10-8-1946, ban hành Sắc lệnh số 146/SL và Sắc lệnh số 147/SL khẳng định những nguyên tắc căn bản của nền giáo dục

mới và mục đích tôn chỉ của nó. Tại Sắc lệnh số 146/SL, Chủ tịch Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã quy định ba nguyên tắc căn bản của nền giáo dục mới là: đại chúng hoá, dân tộc hoá và khoa học hoá, theo tôn chỉ phụng sự lý tưởng quốc gia và dân chủ.

Để cụ thể hoá nội dung của các sắc lệnh trên, Chính phủ đề ra một loạt chủ trương, biện pháp nhằm khuyến khích nhân dân học tập như: bãi bỏ tiền học ở tất cả các bậc học, gia hạn tuổi cho học sinh các lớp, cấp học bổng và mở ký túc xá cho học sinh các trường trung học. Chính phủ cũng định ra một chương trình giáo dục, tổ chức ngạch thanh tra và lập hội đồng sách giáo khoa...

Đặt trong thời điểm lịch sử lúc bấy giờ, những chủ trương, quan điểm, phương châm, sắc lệnh và việc làm nói trên, nhất là 3 nguyên tắc của nền giáo dục do Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa xác định đã trực tiếp xóa bỏ tính chất phong kiến, thực dân của nền giáo dục cũ, đồng thời đặt nền móng cho sự ra đời của nền giáo dục Việt Nam mới.

Thực hiện sự chỉ đạo của Chính phủ và hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trên phạm vi cả nước đã dấy lên phong trào học chữ Quốc ngữ sôi nổi từ thành thị đến nông thôn, từ miền xuôi đến miền ngược, lôi cuốn mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi, mọi giới tham gia. Phong trào toàn dân tham gia xóa nạn mù chữ phát triển khắp cả nước, chỉ trong thời gian ngắn, đến đầu tháng 9-1946, chỉ riêng các tỉnh Bắc Bộ và Trung Bộ đã có 70.950 lớp học bình dân học vụ với 95.660 giáo viên. Trong kỳ thi mãn khóa bình dân học vụ đầu tiên, trên 2.520.000 học viên đã được công nhận thoát nạn mù chữ.

Như vậy, với những chủ trương, biện pháp phong phú, tích cực và khẩn trương trong việc

giải quyết các vấn đề xã hội cấp bách, trước mắt, Đảng, chính quyền cách mạng các cấp và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã động viên được đông đảo nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia vào các phong trào đẩy lùi giặc đói, giặc dốt và giải quyết các khó khăn về kinh tế, xã hội và văn hóa. Những vấn đề cấp bách về mặt xã hội từng bước được đẩy lùi là cơ sở vững chắc cho quá trình xây dựng và giữ vững chính quyền cách mạng, mở rộng khối đoàn kết toàn dân. Đồng thời, quá trình chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ đó cũng để lại bài học quý báu đầu tiên cho chính quyền cách mạng non trẻ, đó là muốn có một chính quyền vững mạnh, trước hết mọi chủ trương, chính sách của chính quyền phải luôn đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết, như trong bài “Dân vận” (1947), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân”⁹. Những kết quả và kinh nghiệm, bài học có được chính là nhân tố rất quan trọng, tạo động lực và điều kiện để Đảng và Chính phủ lãnh đạo nhân dân vượt qua những khó khăn, thử thách nghiêm trọng của lịch sử, tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên phạm vi cả nước.

1, 2, 3, 4, 6, 8. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 4, tr. 3, 6-8, 33, 109, 135, 40-41

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T. 8, tr. 26

7. Xem Báo *Cứu quốc*, ngày 5-9-1946

9. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 6, tr. 232.